

Số: 64/2024/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 13 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lường Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Bản N, xã L, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 217, 218, 219; Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Chị Lường Thị T rút yêu cầu chia tài sản của vợ chồng, bị đơn nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lường Văn H và chị Lường Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: - Cháu Lường Hà T, sinh ngày 26/02/2006, đã thành niên và có khả năng lao động nên anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Giao cháu Lường Việt P, sinh ngày 23/01/2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 3; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, chị T và anh H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST nhưng anh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số: 0000204 ngày 08/3/2024, anh H được trả lại 150.000 đồng

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

II. Đình chỉ phần giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn do bị đơn rút yêu cầu phản tố.

Về tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lương Thị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Trả lại cho chị Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000218 ngày 08/4/2024.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị phần quyết định đình chỉ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Văn Lương

